TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 01-2021
V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Quỳ

Bà Đặng Thị Đôi

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 288/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn và nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2020/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1988; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 2, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1986; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 2, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 28 tháng 9 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 11 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận L, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh, chị cùng chung sống tại thôn 2, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và nghi ngờ nhau sống không chung thủy dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi lẫn nhau làm ảnh hưởng đến cuộc sống chung cũng như việc nuôi dạy và chăm sóc con cái. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải xong không cải thiện được mà ngày càng căng thẳng hơn. Chị T và anh Q đã sống ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị T và anh Q không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Phạm Văn Q.

Về con chung: Chị T khai vợ chồng có 01 con chung là Phạm Trung K sinh ngày 02 tháng 8 năm 2010, hiện cháu K đang do chị T nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn chị T đề nghị được tiếp tục nuôi cháu K vì cháu K ở với chị T đã ổn định và được chăm sóc tốt về mọi mặt. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị T để tự thỏa thuận với anh Q do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Văn Q đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai anh Q vẫn không có mặt tại Tòa án để có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị T được ly hôn anh Q. Về con chung, giao con là Phạm Trung K cho chị T nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị T và anh Q tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung do chị T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Văn Q đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh Q có mặt tại Toà án trình bày ý kiến của mình về việc chị Phạm Thị T có đơn xin ly hôn nhưng anh Q vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng

dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh Phạm Văn Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Q là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên thường xuyên cãi mắng xúc phạm nhau. Do mâu thuẫn nên chị T và anh Q đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q phù hợp với lời khai của chị T. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q, anh Q không có mặt tại Tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Q đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh Q.

[3] Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung là Phạm Trung K sinh ngày 02 tháng 8 năm 2010, trường hợp ly hôn chị T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo quyền được chăm sóc nuôi dưỡng con của cả cha, mẹ. Xét hiện nay, chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, cháu vẫn được chăm sóc ổn định về mọi mặt và cháu K cũng có lời khai thể hiện có nguyện vọng được ở với mẹ. Như vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị T, giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị T đề nghị để tự thỏa Tận với anh Q nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, anh Q vắng mặt và chưa có lời khai về tài sản chung vợ chồng, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Phạm Văn Q.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Phạm Trung K sinh ngày 02 tháng 8 năm 2010 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Phạm Trung K đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải Q.

Sau khi ly hôn anh Phạm Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải Q.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0008984 ngày 06/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Phạm Văn Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T, huyện K ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang